



tiào zao

跳蚤

noun · flea

Example Sentences

māo shēn shàng yǒu tiào zao

猫身上有跳蚤。

The cat has fleas on it.

tiào zao hěn xiǎo dàn yǎo rén hěn yǎng

跳蚤很小，但咬人很痒。

Fleas are very small, but their bites are very itchy.

tā gěi chǒng wù yòng le chú tiào zao de yào xiào guǒ hěn hǎo

他给宠物用了除跳蚤的药，效果很好。

He used flea removal medicine on his pet, and the effect was very good.

Trace each character, then write the word on your own.

跳	跳	跳	跳	跳	跳	跳	跳	跳	跳	跳
蚤	蚤	蚤	蚤	蚤						